

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 181/2025/HS-ST
Ngày 29-5-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Hoàn;
- Bà Bùi Thị Thúy Lan.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ninh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Luân, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2025 tại Phòng xử án A - Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 145/2025/TLST-HS ngày 25 tháng 4 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 179/2025/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo:

Đồng Ngọc T, sinh năm 1985 tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: Khu phố A, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Dương Văn N (đã chết) và bà Đồng Thị L, sinh năm 1963; có 01 em ruột, sinh năm 1989; bị cáo có vợ tên là Hà Thị Y, sinh năm 1988, có 02 con ruột, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/3/2025 cho đến nay; có mặt.

- ***Bị hại:*** Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ G, thôn Đ, xã X, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:***

1. Ông Huỳnh Hoàng P, sinh năm 2002; thường trú: Tổ C T, Phường A, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; chỗ ở: Số H, đường số B, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương; có mặt.

2. Bà Đồng Thị L, sinh năm 1963; địa chỉ: Khu phố A, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận; có mặt.

**** Người tham gia tố tụng khác:***

- *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Lê Tường V, bà Nguyễn Thị T1, bà Hoàng Thị Ngọc T2, ông Nguyễn Sỹ H, bà Hoàng Thị Thùy D, bà Nguyễn Lê Ngọc D1, ông Hoàng Văn Á, bà Đặng Hồng V1, bà Nguyễn Thị Hải Y1, bà Nguyễn Thị Phương T3, ông Nguyễn Trọng N2, bà Nguyễn Thị T4, bà Nguyễn Thị T5, ông Nguyễn Hồng K; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 12 năm 2023, Đồng Ngọc T được tuyển vào làm nhân viên giao hàng cho nhà xe “An Khang” do bà Nguyễn Thị N1, làm chủ. Bà Nguyễn Thị N1 không đăng ký kinh doanh nhà xe “An Khang” dưới hình thức pháp nhân hay hộ kinh doanh gia đình. Lĩnh vực nhà xe “An Khang” hoạt động là kinh doanh vận tải giao và nhận hàng hóa cho khách hàng từ thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng đến các khu vực thuộc Thành phố Hồ Chí Minh. T được phân công làm việc và ở lại nhà xe “An Khang” tại địa chỉ số H, đường số B, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Trong quá trình làm việc, T được bà N1 giao nhiệm vụ đi giao hàng và thu tiền cước của khách rồi đưa lại tiền cước cho ông Huỳnh Hoàng P. Hàng tuần ông P có nhiệm vụ tổng hợp giao lại cho bà N1. Tuy nhiên, từ ngày 04/3/2024 đến ngày 09/3/2024, T điều khiển xe ô tô 16 chỗ, biển số 29D-001.27 đi giao tổng cộng 19 đơn hàng cho khách tại các khu vực thuộc quận T, quận T, Quận E, Quận B, quận G, Quận A, huyện H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền cước và thu hộ là 7.760.000 đồng. Sau khi thu được tiền, T không đưa tiền cho ông P, P có yêu cầu T bàn giao tiền cước và tiền thu hộ nhưng T nói dối đã cho bạn mượn tiền đi chữa bệnh nên chưa có tiền trả lại. Đến khoảng 08 giờ 15 phút ngày 09/3/2024, sau khi đi giao hàng xong, T về kho điều khiển 01 xe mô tô nhãn hiệu Sanyang, màu xanh, biển số 61L1-4565 của bà N1 để trong kho, xe này bà N1 giao cho T và nhân viên sử dụng để đi chợ, đi giao hàng. Sau khi điều khiển xe mô tô nêu trên T điều khiển xe mô tô đến cầu vượt S bán xe cho một người thanh niên đi đường (không rõ nhân thân, lai lịch) với giá 2.000.000 đồng, rồi tắt máy điện thoại bỏ trốn để không liên lạc với ông P và bà N1. Ngày 20/3/2024 bà Nguyễn Thị N1 đến Công an phường A, thành phố D trình báo sự việc. Công an phường A lập hồ sơ chuyển giao Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D thụ lý điều tra theo thẩm quyền.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số: 61/KLĐG-HĐĐGTS ngày 08/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố D, xác định: Xe mô tô 02 bánh nhãn hiệu Sanyang màu xanh, biển số 61L1-4565, số máy 57138E, số khung 50V1-15882, trị giá 3.400.000 đồng.

Căn cứ Kết luận giám định số: 2395/KL-KTHS ngày 24/05/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh B về trích xuất dữ liệu Camera ghi nhận hình ảnh bị cáo Đồng Ngọc T chiếm đoạt xe gắn máy hiệu Sanyang màu xanh, biển số 61L1-4565 vào ngày 09/03/2024.

Ngày 29/7/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị can, Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Đồng Ngọc T về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Đến ngày 04/3/2025, bị cáo Đồng Ngọc T bị Công an thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận bắt giữ theo Quyết định truy nã số: 6097/QĐTN-ĐTTH ngày 29/11/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận định giá tài sản số: Kết luận định giá tài sản số: 61/KLĐG-HĐĐGTS ngày 08/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự thành phố D và Kết luận giám định số: 2395/KL-KTHS ngày 24/05/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh B.

Đối với người thanh niên mua xe mô tô 02 bánh nhãn hiệu Sanyang màu xanh, biển số 61L1-4565 của bị cáo Đồng Ngọc T, do không rõ nhân thân, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ xử lý sau.

Tại Cáo trạng số: 173/CT-VKS-DA ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố Đồng Ngọc T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Đồng Ngọc T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; Điều 38; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo Đồng Ngọc T từ 09 tháng đến 15 tháng tù.

* Về xử lý vật chứng: Đối xe mô tô 02 bánh nhãn hiệu Sanyang màu xanh, biển số 61L1-4565, số máy 57138E, số khung 50V1-51882, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã tiến hành truy tìm vật chứng nhưng không truy tìm được nên không đặt ra xem xét.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo cùng với mẹ ruột là bà Đồng Thị L đã bồi thường cho bị hại bà Nguyễn Thị N1 tổng số tiền 11.160.000 đồng, bị hại N1 không yêu cầu gì khác nên trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo không có ý kiến tranh luận với Viện kiểm sát về điều luật áp dụng, khung hình phạt, xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự đồng thời trong lời nói sau cùng bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Kiểm sát viên

trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị hại bà Nguyễn Thị N1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị hại.

[2] Căn cứ vào lời khai của bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người làm chứng và những chứng cứ, tài liệu được thu thập trong hồ sơ vụ án, xác định: Bị cáo Đồng Ngọc T là người làm thuê cho nhà xe “An Khang” do bà Nguyễn Thị N1 làm chủ nhưng không đăng ký kinh doanh dưới hình thức pháp nhân. Từ ngày 04/3/2024 đến ngày 08/3/2024, T được giao nhiệm vụ thu số tiền cược và thu hộ số tiền hàng là 7.760.000 đồng từ các khách hàng nhận hàng tại khu vực Thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 09/3/2024, tại địa chỉ số H, đường số B khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương, Đồng Ngọc T lấy xe mô tô 02 bánh nhãn hiệu Sanyang màu xanh, biển số 61L1-4565 có giá trị 3.400.000 đồng của bà Nguyễn Thị N1 làm chủ, để đi giao hàng. Sau khi nhận được tiền từ khách hàng và nhận được xe, T không đưa số tiền cho bà Nguyễn Thị N1 mà điều khiển xe mô tô đi bán và bỏ trốn.

[3] Như vậy, hành vi của bị cáo sau khi nhận tài sản (xe mô tô và tiền) của bị hại rồi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản có tổng giá trị 11.160.000 đồng, đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng số: 173/CT – VKS-DS ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương và kết luận của Kiểm sát viên truy tố bị cáo Đồng Ngọc T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; bị cáo hoàn toàn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[4] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo thực hiện tuy ít nghiêm trọng nhưng đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Về nhận thức bị cáo hoàn toàn biết hành vi nhận tài sản của bị hại rồi bán lấy tiền tiêu xài cá nhân là trái pháp luật nhưng vì lòng tham, muốn kiếm tiền nhanh chóng không phải lao động để phục vụ nhu cầu bản thân mà bị cáo cố tình thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo cùng với gia đình bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít

ng nghiêm trọng; bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Về nhân thân: Bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự và người lao động.

[8] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Xét bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, nhưng xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, sau khi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn gây khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng, đồng thời hành vi phạm tội của bị cáo còn ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành những công dân có ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

- Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”*. Tuy nhiên, áp dụng phạt tù cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng: Đối xe mô tô 02 bánh nhãn hiệu Sanyang màu xanh, biển số 61L1-4565, số máy 57138E, số khung 50V1-15882, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã tiến hành truy tìm vật chứng nhưng không truy tìm được nên không đặt ra xem xét.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo cùng với mẹ ruột là bà Đồng Thị L đã bồi thường cho bị hại bà Nguyễn Thị N1 tổng số tiền 11.160.000 đồng, bị hại N1 không yêu cầu gì khác nên trách nhiệm dân sự Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[11] Đối với người thanh niên mua xe mô tô 02 bánh nhãn hiệu Sanyang màu xanh, biển số 61L1-4565 của bị cáo Đồng Ngọc T, do không rõ nhân thân, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ xử lý sau, là đúng theo quy định của pháp luật.

[12] Xét đề nghị Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, khung hình phạt, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đồng Ngọc T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; Điều 38; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đồng Ngọc T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/3/2025.

2. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đồng Ngọc T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA